

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19/2019/HS-ST.**

Ngày: 30/05/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh K - Sinh năm: 1986 ; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Nguyễn Văn N (đã chết) và bà: Trần Thị S, sinh năm: 1961; Anh (chị) em ruột: gồm 05 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1988, bị cáo là người con thứ 04 trong gia đình; Bị cáo có vợ: Võ Thị Kiều L, sinh năm 1990; Con: 03 đứa, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 250/2014/HSST, ngày 29/10/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”

Tiền sự: không có.

Nhân thân: Tại bản án hình sự số 70/HSST; Ngày 31/12/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Đã được xóa án tích)

Ngoài ra:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST, ngày 30 tháng 8 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại bản án số 04/2019/HSST, ngày 23/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST, ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, buộcbị cáo phải chồnggấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **11 năm 06 tháng** tù.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam Kênh 7, tổng cục VIII, Bộ Công an. Theo quyết định Thi hành án phạt tù số 14 ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hiện bị cáo hiện được trích xuất, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo Có mặt tại phiên tòa

2. Nghiêm Thị H - Sinh năm: 1967

Nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Nghiêm Văn Đ (đã chết) và bà Ngô Thị K (đã chết); Anh (chị) em ruột: gồm 08 người, lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1976, bị cáo là người con thứ 02 trong gia đình; Bị cáo có chồng Võ Văn H, sinh năm 1967; Con: 04 đứa, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993.

Tiền án, Tiền sự: không có.

Ngày 30/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù, tại bản án số 21/2018/HSST; Chấp hành án tại trại giam Kênh 7 theo quyết định Thi hành án số 42 ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đến ngày 04/01/2019 thì chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị tiếp tục tạm giam từ ngày 04/01/2019 cho đến nay.

Bị cáo Có mặt tại phiên tòa

Bị hại:

- Ông Huỳnh Thanh H – Sinh năm 1963 (Vắng mặt)
- Bà Đỗ Thị Bích P – Sinh năm 1975 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị H – Sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Ông Cao Phương B – Sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Nguyễn Thị P – Sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Nguyễn Thị T – Sinh năm 1947 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

Người làm chứng: Ông Võ Văn H – Sinh năm 1967 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh K là đối tượng có tiền án về tội trộm cắp tài sản, ngày 30/8/2016 sau khi chấp hành án xong, K về sinh sống tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang, K thường đến nhà Nghiêm Thị H là bác dậu của K chơi (nhà K và H gần nhau). H thấy K có tiền nhiều mà lại không có việc làm nên nghi ngờ K đi trộm cắp mà có. Trong lúc K đến nhà H nhậu thì H than vãn với K

việc thiếu nợ bên ngoài nhiều, nếu K có đi trộm thì cho H đi theo để kiểm tiền trả nợ thì được K đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ ngày 02/02/2018 K điện thoại rủ H đi trộm cắp tài sản thì H đồng ý, K kêu H điều khiển vỏ, máy về hướng thành phố Rạch Giá đến bến đò Giải phóng 9 rồi K sẽ đón H. Khoảng 21 giờ cùng ngày, H điều khiển vỏ, máy theo chỉ dẫn của K, sau đó, K điều khiển vỏ, máy đến bến đò Giải phóng 9 và gặp H trên sông sáng Rạch Giá – Hà Tiên.

Do vỏ, máy của H chạy chậm nên K kêu H đậu vỏ, máy ở chân cầu Rạch Giá 1 (thuộc Phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang), một mình K điều khiển vỏ, máy chạy dọc theo sông Sáng Rạch Giá - Hà Tiên về hướng huyện Hòn Đất. Khi đến cửa hàng điện máy H Phương, thuộc khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất thì K phát hiện dưới bến sông có 01 chiếc vỏ đang đậu, K ghé vào để tìm tài sản trộm nhưng không phát hiện được gì, K nhìn vào cửa hàng điện máy H Phương thì thấy có ánh đèn mờ, K đi lên bờ quan sát vào bên trong thì phát hiện nhiều Tivi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, K dùng tay kéo cửa lên (loại cửa cuốn) thì phát hiện cửa không khóa, mà chỉ dùng 01 thanh sắt móc qua khoen cửa, K tháo thanh sắt ra rồi đi vào trong cửa hàng, K đi đến kệ trưng bày và khu vực để Tivi lấy tổng cộng 11 cái Tivi đem xuống để ở sân phía sau cửa hàng, khi lấy trộm Tivi K phát hiện 01 tủ tính tiền và các Camera quan sát, K xuống vỏ lấy 01 cây chìa khóa (mục đích cạy cửa tủ) và lấy 01 đoạn cây tre có sẵn trên vỏ (mục đích đẩy Camera), K dùng cây tre đẩy ống kính Camera lên trần nhà, rồi dùng chìa khóa cạy cửa tủ tính tiền, K phát hiện trong ngăn kéo tủ tính tiền có 01 sấp (cọc) tiền, K lấy sấp tiền cất vào người, rồi vận chônguyên 07 cái Tivi xuống vỏ (do vỏ nhỏ, chỉ chở được 07 cái) rồi điều khiển vỏ, máy về nơi H đang đợi, khi đến nơi K chuyển số Tivi trên qua vỏ, máy của bà H rồi quay lại vận chuyển tiếp 04 cái Tivi còn lại, trên đường vận chuyển 04 cái tivi, K điện thoại chồng Kha (chưa rõ họ tên, địa chỉ) đến chân cầu Rạch Giá 1 để nhờ Kha tiêu thụ đùm số Tivi mà K và H trộm được.

Khi K chồng 04 cái Tivi đến nơi H đang đợi thì Kha cũng điều khiển vỏ, máy đến. H vịn vỏ, K và Kha chuyển toàn bộ 11 cái Tivi trên qua vỏ của Kha rồi Kha chạy đi, H và K điều khiển vỏ, máy của mình về nhà. Sau đó, K kiểm tra sấp tiền trộm được với tổng số tiền 54.000.000 Đ và mấy chục nghìn Đ tiền lẻ (không nhớ được chính xác số tiền lẻ).

Đến khoảng 13 giờ ngày 05/02/2018 Kha điện thoại kêu K đến tuyến đường tránh thành phố Rạch Giá để nhận tiền, tại đây Kha nói với K tiêu thụ được 04 cái tivi và đưa cho K số tiền 16.000.000 Đ đến 17.000.000 Đ (K không nhớ chính xác). K lấy số tiền trên đem đến nhà H rồi chia cho H số tiền 8.000.000 Đ hay 8.500.000 Đ (không nhớ chính xác). Đến khoảng 19 giờ cùng ngày Kha điện thoại kêu K đến chân cầu Rạch Giá 1 lấy lại số Tivi không bán được, K và H điều khiển vỏ, máy của H đến chân cầu Rạch Giá 1, Kha trả lại cho K 07 cái Tivi chưa bán được, K và H đem số tivi trên về nhà H cất giấu.

Đến sáng ngày 06/02/2018 K đi đến nhà H lấy 02 cái tivi bán cho Võ Thị H và Cao Phương B với giá 1.500.000 Đ/cái. Sau khi bán xong K chia cho H số tiền 1.500.000 Đ. H lấy 01 cái tivi để sử dụng và đưa cho K số tiền 1.500.000 Đ hay 2.000.000 Đ (Không nhớ chính xác) và H xin thêm 01 cái tivi bị vỡ (bể) góc thì K đồng ý. K lấy 03 cái Tivi còn lại đem bán cho Kha với giá 6.000.000 Đ rồi chia cho H số tiền 3.000.000 Đ.

Tổng cộng tiền bán Tivi được khoảng 25.500.000 Đ đến 26.000.000 Đ, K chia cho H 03 lần với tổng số tiền khoảng 13.000.000 Đ (không nhớ chính xác).

Về thu giữ vật chứng: Bà Võ Thị H và ông Cao Phương B mua Tivi của K về để sử dụng, Tivi mà H sử dụng trong nhà, sau khi sử dụng được một thời gian (không xác định được cụ thể) thì bị bà Nguyễn Thị P đến lấy để trừ nợ, đối với 01 chiếc Tivi bị vỡ góc, H cho lại con gái là Võ Thị Nâu. Sau khi phát hiện đây là tài sản do trộm cắp mà có thì bà H, ông B, bà P, bà Nâu đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòn Đất. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòn Đất còn làm việc và thu giữ được 01 cái Tivi của Bà Nguyễn Thị T là tài sản mà K, H đã trộm cắp tại điện máy H Phương. (bà T trình bày mua Tivi trên của 01 người đàn ông lạ mặt với giá 7.000.000 Đ).

Số Tivi còn lại không thu hồi được, đối với số tiền trộm cắp được K đã tiêu xài cá nhân hết.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KLĐGTS của Hội Đ định giá trong tổ tụng hình sự huyện Hòn Đất kết luận:

- 01 (một) Tivi hiệu Konka (4K-smart), 55 inch model 5580U có giá 11.000.000 Đ (Mười một triệu Đ). (thu của bà Nguyễn Thị T).

- 01 (một) Tivi hiệu Asanzo, 40 inch model 40ES900/40ES910 có giá 5.500.000 Đ (Năm triệu, năm trăm nghìn Đ). (ông Cao Phương B giao nộp).

- 01 (một) Tivi hiệu Samsun mã sản phẩm UA40K5500AKXXV, phiên bản EA02, có giá 8.000.000 Đ (Tám triệu Đ). (bà Võ Thị N giao nộp).

- 01 (một) Tivi hiệu Panasonic, 43 inch, model TH43ES600V, có giá 8.100.000 Đ (Tám triệu, một trăm nghìn Đ). (bà Nguyễn Thị P giao nộp).

- 01 (một) Tivi hiệu LG, 43 inch; model 43LJ550T có giá 7.900.000 Đ (Bảy triệu, chôngín trăm nghìn Đ). (bà Võ Thị H giao nộp).

Kết luận về tổng giá trị tài sản thiệt hại là: 40.500.000 Đ.

Đối với 06 cái Tivi các loại mà K, H trộm cắp do không thu hồi lại được tang vật nên không thể tiến hành định giá tài sản. Áp dụng nguyên tắc có lợi chôngo các bị cáo nên lấy giá trị thấp nhất trong số Tivi thu hồi được đã được định giá để làm căn cứ xác định tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt. Cụ thể như sau: $06 \times 5.500.000 \text{ Đ} = 33.000.000 \text{ Đ}$. Đối với số tiền 54.000.000 Đ mà K lấy trộm được, K không nói cho H biết về việc lấy trộm được số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 27/CT –VKS-HĐ, ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Minh K, Nghiêm Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và mức án cụ thể từng bị cáo như sau:

Áp dụng điểm ckhoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K từ 04 năm đến 05 năm tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 tổng hợp hình phạt 11 năm 06 tháng tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST; Ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện chôngâu Thành tỉnh Kiên Giang, buộc bị cáo Nguyễn Minh K phải chôngáp hành hình phạt chôngung của cả 02 bản án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nghiêm Thị H

từ 02 năm đến 03 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 585; Điều 589 BLDS năm 2015

Mặc dù tính thiệt hại để truy tố các bị cáo lấy giá trị ti vi thấp nhất đã được định giá. Tuy nhiên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, để tính bồi thường đề nghị Hội Đ xét xử lấy giá trị trung B của 05 cái tivi đã được định giá để làm căn cứ bồi thường. Buộc bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Nghiêm Thị H có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị 06 chôngiếc ti vi trộm cắp là 48.600.000đ. Đối với số tiền mặt chôngiếm đoạt do bị cáo H không biết nên chôngi buộc bị cáo Nguyễn Minh K phải bồi thường thêm số tiền 54.000.000đ chôngo ông Huỳnh Thanh H và bà Đỗ Thị Bíchồng P.

Đối với Nguyễn Thị T mua Tivi của 01 người thanh niên đeo khẩu trang, bà T yêu cầu người bán Tivi phải bồi thường lại số tiền mua Tivi là 7.000.000 Đ. Tuy nhiên quá trình điều tra chôngura chôngứng minh được ai là người bán ti vi chôngo bà T, tại phiên tòa bị cáo K và H không thừa nhận việc bán ti vi chôngo bà T nên vấn đề này chôngura có căn cứ để xem xét.

Đối với Võ Thị H, Cao Thanh B là người mua Tivi do Nguyễn Minh K, không yêu cầu bồi thường. Đối với Nguyễn Thị P là người lấy Tivi của ông Võ Văn H và Nghiêm Thị H để trừ nợ, bà P sẽ tự tính lại với ông H và không có yêu cầu gì tại vụ án này. Nên đề nghị Hội Đ xét xử miễn xét

Về xử lý vật chôngứng: 05 cái Tivi thu hồi được, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòn Đất đã tiến hành trả lại chôngo ông Huỳnh Thanh H là chôngủ sở hữu; Đối với một đoạn cây tre màu xanh có chôngiều dài 2,95 mét, đường kính 35cm. Một đầu có kết nối dây dẫn điện màu vàng. Là công cụ phạm tội do không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịchồng thu, tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố được công bố tại phiên tòa.

Bị hại bà Đỗ Thị Bíchồng P trình bày: Gia đình bà bị mất tổng cộng là 22 chôngiếc ti vi và số tiền gần 100 triệu Đ, tại phiên tòa các bị cáo chôngi thừa nhận lấy 11 cái ti vi và 54.000.000 Đ là không thành khẩn khai báo, bà yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chôngo bà số tiền thiệt hại của 22 chôngiếc ti vi và tiền mặt bị mất là 100.000.000đ. Hiện tại bị hại đã nhận lại 05 cái ti vi mà cơ

quan điều tra đã thu hồi được còn lại các bị cáo chồnggừa bồi thường chồngg bà bất kỳ khoản tiền nào.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội Đ xét xử vào phòng nghị án:

Bị cáo Nguyễn Minh K trình bày: Bị cáo chồngg thực hiện lấy trộm 11 chồnggiếc ti vi và số tiền là 54.000.000 Đ, bị cáo đã được cán bộ Điều tra giải thích chồngg nên đã biết việc làm mình là sai trái nên đã thừa nhận hành vi của mình, xin hội Đ xét xử giảm nhẹ hình phạt chồngg bị cáo sớm trở về xã hội nuôi 03 đứa con, vợ bị cáo hiện cũng đang đi chồnggấp hành án, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị cáo Nghiêm Thị H trình bày: Đã biết việc làm của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, xin Hội Đ xét xử giảm nhẹ hình phạt chồngg bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà viện kiểm sát đã truy tố như sau: Vào khuya ngày 02/02/2018 rạng sáng ngày 03/02/2018 Nguyễn Minh K và Nghiêm Thị H đã cùng nhau đi trộm cắp tài sản. K điều khiển vô, máy đến cửa hàng điện máy H Phương thuộc khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất thực hiện hành vi trộm tài sản, H đậu vô, máy đợi K tại chồnggân cầu Rạchồng Giá 1 (thuộc Phường Vĩnh Quang, thành phố Rạchồng Giá, tỉnh Kiên Giang).

Tổng cộng K đã lấy trộm được 11 cái Tivi các loại rồi đem đến chồngg hện H đang đợi, cả 02 bị cáo đem tiêu thụ lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị số ti vi mà K và H trộm cắp là 73.500.000 Đ.

Riêng Nguyễn Minh K ngoài thực hiện hành vi trộm cắp 11 cái ti vi các loại bị cáo còn trộm số tiền 54.000.000 Đ, số tiền này K không chồng H biết. Như vậy tổng giá trị tài sản K trộm cắp được là 127.500.000 Đ, H là 73.500.000đ.

Lời khai của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội Đ xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Minh K, Nghiêm Thị H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi và trí tuệ, phải hiểu biết rằng quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm. Nhưng do lười biếng không chồng giu lao động, không chồng giu làm ăn chồng gần chồng gần mà đi tìm kiếm xem ai có tài sản quản lý sơ hở thì trộm cắp lấy tiền nhằm thỏa mãn chồng bản thân, từ đó dẫn đến các bị cáo phạm tội như ngày hôm nay.

Xét vai trò từng bị cáo trong vụ án: Đối với bị cáo Nguyễn Minh K là người trực tiếp trộm cắp tài sản, khi đi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người rủ bị cáo H, sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo là người điện thoại chồng người tên Kha để tiêu thụ tài sản, số tiền bị cáo chồng giếm đoạt nhiều hơn bị cáo H nên trong vụ án này vai trò của bị cáo K cao hơn bị cáo H

Đối với Nghiêm Thị H là người đã xin đi theo K để trộm cắp tài sản, bị cáo cũng chồng gần bị bỏ máy để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, Mặc dù bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và không có mặt tại hiện trường nhưng khi thấy K đem tài sản về điểm hẹn thì bị cáo là người giúp sức chồng việc vận chồng nguyên tài sản trộm cắp được lên vỏ máy của mình, đem tài sản trộm cắp về nhà mình cất giấu và bán lấy tiền ăn chồng gia tiêu xài, tuy nhiên bị cáo chồng phải chồng giu trách chồng nhiệm hình sự về số tài sản bị cáo biết được là 11 cái ti vi, riêng đối với số tiền 54.000.000đ mà K trộm cắp bị

cáo không biết cũng nhưng không được chồng gia nên bị cáo không phải chồng giữ trách nhiệm hình sự về số tiền này.

Hậu quả từ hành vi trộm cắp của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây tác động xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hội Đ xét xử xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo giáo dục bị cáo qua đó cũng nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa tội phạm chồngung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Minh K có 01 tiền án chồngung đã được xóa án tích chồngung, do đó ở lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nghiêm Thị H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, Hội Đ xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt chồngung bị cáo một phần khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Theo bản kê thiệt hại và yêu cầu bồi thường ngày 05/02/2018 của bà P (BL 257) và tại phiên tòa thì bà P trình bày bị mất tổng cộng gồm 22 cái ti vi các loại, giá trị tài sản là 201.000.000đ và khoảng 100.000.000 đ tiền mặt. Bà P yêu cầu các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa chồngung chồngung minh được bị cáo K và H lấy tổng cộng 11 cái ti vi. Trong đó đã thu hồi được 05 cái ti vi các loại theo kết luận định giá thì có giá trị là 40.500.000đ; 6 cái ti vi còn lại do không định giá được, tuy nhiên nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chồngung hợp pháp của người bị hại nên Hội Đ xét xử lấy giá trị trung B của 05 cái ti vi thu hồi được để tính bồi thường: $(40.500.000 : 5) \times 6 \text{ cái} = 48.600.000 \text{ Đ}$. Như vậy bị cáo Nguyễn Minh K, Nghiêm Thị H có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị tổng cộng 11 cái ti vi các loại với số tiền là 89.100.000đ, trừ đi số tài sản mà phía bị hại đã nhận lại 05 cái ti vi có giá trị là 40.500.000đ thì các bị cáo còn có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền là 48.600.000đ.

Đối với số tiền bị hại chồng ông K rằng bị mất gần 100.000.000 Đ, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo K chồng ông thừa nhận lấy trộm số tiền 54.000.000 Đ và mấy chồng cục tiền lẻ, phía bị hại cũng không cung cấp thêm được chứng cứ để chứng minh số thiệt hại số tiền mất bị mất trộm cụ thể bao nhiêu nên Hội Đ xét xử chồng ông buộc bị cáo Nguyễn Minh K bồi thường chồng ông bị hại số tiền là 54.000.000 Đ.

Đối với bà Võ Thị H, ông Cao Thanh B là người mua Tivi do Nguyễn Minh K, không yêu cầu bồi thường; Bà Nguyễn Thị P là người lấy Tivi của ông Võ Văn H và Nghiêm Thị H để trừ nợ, bà P sẽ tự tính lại với ông H và không có yêu cầu gì tại vụ án này. Nên Hội Đ xét xử không đặt ra xem xét. Đối với bà Nguyễn Thị T mua Tivi của 01 người thanh niên lạ mặt đeo khẩu trang, bà T yêu cầu người bán Tivi phải bồi thường lại số tiền mua Tivi là 7.000.000 Đ. Tuy nhiên quá trình điều tra chồng ông chứng minh được ai là người bán tivi vì chồng ông bà T, số tiền bà T mua tivi cụ thể là bao nhiêu nên Hội Đ xét xử chồng ông có căn cứ giải quyết .

[7]. Về xử lý vật chứng: căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch ông thu tiêu hủy: Một đoạn dây tre màu xanh có chiều dài 2,95 mét, đường kính 35cm. Một đầu có kết nối dây dẫn điện màu vàng. Là công cụ phạm tội do không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch ông thu, tiêu hủy.

Đối với chồng ông vợ, máy mà K dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản K trình bày thuê của ông Nguyễn Văn Ngoan, hiện nay, ông Ngoan không có mặt tại địa phương, chồng ông thu hồi được tang vật. Đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với chồng ông vợ mà H dùng để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, là vợ của H, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, H tiếp tục dùng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang và bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 09 tháng tù, tịch ông thu, nộp vào ngân sách ông nhà nước chồng ông vợ trên, tại bản án số tại bản án số 21/2018/HSST, ngày 30/8/2018. Đối với chồng ông máy mà H dùng để ông vợ là do H mượn của ông Nguyễn Phùng Xuân để đi vớt ve ông, ông Xuân không biết việc H dùng để đi trộm cắp tài

sản nay đã được trả lại chồng ông Xuân là chồng sở hữu nên hội Đ xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đối với đối tượng tên Kha là người tiêu thụ tài sản do Nguyễn Minh K và Nghiêm Thị H phạm tội mà có, hiện nay chồng chưa xác định được họ tên, địa chỉ; Đối với người bán Tivi chồng bà Nguyễn Thị T hiện nay chồng chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên chồng chưa có căn cứ xử lý. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòn Đất tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[9] Xét lời luận tội của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của hội Đ xét xử nên hội Đ xét xử chồng chấp nhận.

[10] Về án phí: căn cứ khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí án phí Tòa án;

Các bị cáo phải chồng tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật; Bị cáo Nghiêm Thị H phải chồng thêm tiền án phí DSST có giá ngạch chồng theo quy định của pháp luật, đối với bị cáo Nguyễn Minh K thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh K** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 05 (năm) năm tù. Tổng hợp hình phạt 11 năm 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST; Ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện châu Thành tỉnh Kiên Giang. Buộc bị cáo Nguyễn Minh K phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là **16** (mười sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2018.

Căn cứ: điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo **Nghiêm Thị H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nghiêm Thị H 02 (H) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 585; Điều 589 BLDS năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Nghiêm Thị H có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 48.600.000đ (Bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn Đ) chồng ông Huỳnh Thanh H và bà Đỗ Thị Bích P.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh K phải bồi thường số tiền 54.000.000đ (Năm mươi tư triệu Đ) cho ông Huỳnh Thanh H và bà Đỗ Thị Bích P.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Tuyên tịch thu tiêu hủy: Một đoạn cây tre màu xanh có chiều dài 2,95 mét, đường kính 35cm. Một đầu có kết nối dây dẫn điện màu vàng. Là công cụ phạm tội do không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

4. Đối với đối tượng tên Kha là người tiêu thụ tài sản do Nguyễn Minh K và Nghiêm Thị H phạm tội mà có, đối tượng bán Tivi cho bà Nguyễn Thị T hiện nay chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên chưa có căn cứ xử lý. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

5. Về án phí: căn cứ khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí án phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nghiêm Thị H phải nộp 200.000 Đ (H trăm ngàn Đ) án phí hình sự sơ thẩm và 1.215.000 Đ tiền án phí DSST.

Bị cáo Nguyễn Minh K phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST, miễn chồng bị cáo tiền án phí DSST.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Phần dân sự: " Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Hòn Đất
- Cơ quan CSĐT CA huyện Hòn Đất
- Nhà tạm giữ CA huyện Hòn Đất
- Chôngì cục THA DS huyện Hòn Đất
- Sở Tư pháp
- Bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN CHỦNG TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Quang Tấn